

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI



Hà Nội, tháng 08 năm 2020

MỤC LỤC

| | |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU | 4 |
| CHƯƠNG I | 4 |
| ĐIỀU KHOẢN CHUNG | 4 |
| Điều 1: Giải thích thuật ngữ: | 4 |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở và phạm vi hoạt động của Công ty | 5 |
| Điều 3. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân | 5 |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty | 6 |
| Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động | 7 |
| Điều 6. Tổ chức chính trị và Tổ chức Chính trị - Xã hội trong Công ty | 7 |
| CHƯƠNG II | 7 |
| VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU | 7 |
| Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông | 7 |
| Điều 8. Quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty | 8 |
| Điều 9. Các loại cổ phần | 8 |
| Điều 10. Cổ phiếu | 8 |
| Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông, chứng nhận sở hữu cổ phần | 9 |
| Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần | 9 |
| Điều 13. Phát hành trái phiếu | 10 |
| Điều 14. Mua cổ phần, trái phiếu | 10 |
| Điều 15. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông | 10 |
| Điều 16. Mua lại cổ phần theo Quyết định của Công ty | 10 |
| Điều 17. Trả cổ tức | 11 |
| Điều 18. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức | 12 |
| CHƯƠNG III | 13 |
| CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT | 13 |
| Điều 19. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát | 13 |
| III.i. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 13 |
| Điều 20. Quyền của cổ đông phổ thông | 13 |
| Điều 21. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông | 15 |
| Điều 22. Đại hội đồng cổ đông | 16 |
| Điều 23. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông | 16 |
| Điều 24. Chương trình họp và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông | 17 |
| Điều 25. Mời họp Đại hội đồng cổ đông | 18 |
| Điều 26. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông | 18 |
| Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông | 19 |
| Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông | 19 |
| Điều 29. Hình thức và điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 21 |
| Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. | 22 |
| Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông | 23 |
| Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 24 |
| Điều 33. Hiệu lực Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị | 25 |
| III.ii. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 25 |
| Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị | 25 |
| Điều 35. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị | 26 |
| Điều 36. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị | 27 |

| | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị | 28 |
| Điều 38. Cuộc họp của Hội đồng quản trị | 28 |
| Điều 39. Biên bản họp Hội đồng quản trị..... | 30 |
| Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị..... | 30 |
| Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị | 30 |
| III.iii. GIÁM ĐỐC CÔNG TY | 31 |
| Điều 42. Giám đốc Công ty..... | 31 |
| Điều 43. Thù lao tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị. | 33 |
| Điều 44. Công khai các lợi ích liên quan | 34 |
| Điều 45. Trách nhiệm của người quản lý Công ty | 34 |
| Điều 46. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận | 34 |
| III.iv. BAN KIỂM SOÁT..... | 35 |
| Điều 47. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát..... | 35 |
| Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên | 36 |
| Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát | 36 |
| Điều 50. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát | 37 |
| Điều 51. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Kiểm soát viên | 37 |
| Điều 52. Trách nhiệm của Kiểm soát viên | 38 |
| Điều 53. Miễn nhiệm và bãi nhiệm kiểm soát viên..... | 38 |
| CHƯƠNG IV | 39 |
| LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG..... | 39 |
| Điều 54. Lao động và tuyển dụng lao động | 39 |
| Điều 55. Tiền lương | 39 |
| Điều 56. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động..... | 39 |
| CHƯƠNG V..... | 39 |
| TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN..... | 39 |
| Điều 57. Năm tài chính..... | 39 |
| Điều 58. Quyết toán và kế hoạch tài chính..... | 39 |
| Điều 59. Thê lệ kế toán | 40 |
| Điều 60. Phân phối lợi nhuận..... | 40 |
| Điều 61. Phân chia lợi tức cổ phần (Cổ tức) | 40 |
| Điều 62. Xử lý kinh doanh khi thua lỗ | 40 |
| CHƯƠNG VI | 40 |
| GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN..... | 40 |
| Điều 63. Giải thể | 40 |
| Điều 64. Thanh lý tài sản khi Công ty giải thể..... | 41 |
| Điều 65. Phá sản..... | 41 |
| CHƯƠNG VII..... | 41 |
| ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC..... | 41 |
| Điều 66. Con dấu..... | 41 |
| Điều 67. Tuân thủ pháp luật | 41 |
| Điều 68. Công khai thông tin về Công ty cổ phần | 41 |
| Điều 69. Giải quyết tranh chấp..... | 42 |
| Điều 70. Hiệu lực của Điều lệ | 42 |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội là cơ sở pháp lý cho Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 20 tháng 06 năm 2020.

CHƯƠNG I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Giải thích thuật ngữ:

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. Công ty: là Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội
2. Vốn điều lệ: là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã bán và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
3. Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty: là Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội.
4. Luật Doanh nghiệp: có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014.
5. Pháp luật: là tất cả các văn bản pháp luật của Nhà nước được quy định tại Luật ban hành các văn bản pháp luật (bao gồm cả văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế).
6. Cổ đông: là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty và được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

7. Người quản lý của Công ty: là Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.
8. Các đơn vị trực thuộc Công ty: đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở và phạm vi hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty.

- Tên đầy đủ : **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI.**
- Tên tiếng Anh: **HANOI GOODS SERVICE AND TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY.**

2. Công ty là công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty :

- Địa chỉ: Số 27/785 Đường Trương Định, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243.864 2881 Fax: 0243.864 2881
- Email: cty_vtdvhh@transerco.com.vn
- Website: [http://www: vantaihanoi.com.vn](http://www.vantaihanoi.com.vn)

4. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty là 01 (một) người và Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Phạm vi hoạt động: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội hoạt động trên phạm vi toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty có thể mở chi nhánh, Văn phòng đại diện trong và ngoài nước theo quy định của luật pháp Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

Điều 3. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân

1. Hình thức tổ chức:

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội là Công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.

2. Tư cách pháp nhân:

- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật.
- Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi vốn điều lệ.



- Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- a) Không ngừng nâng cao lợi ích của Nhà nước, của Công ty, các cổ đông và người lao động.
- b) Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- c) Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và cả nước.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

| STT | Tên ngành nghề kinh doanh | Mã ngành |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1 | Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Hệ thống chiếu sáng | 4321 |
| 2 | Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện chiếu sáng | 3314 |
| 3 | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan | 8130 |
| 4 | Tổ chức xúc tiến và giới thiệu thương mại | 8230 |
| 5 | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo công nhân lái xe mô tô và ô tô; Đào tạo công nhân chuyên ngành giao thông vận tải (chỉ hoạt động sau khi được Nhà nước có thẩm quyền cấp phép); | 8559 |
| 6 | Sản xuất mô tô, xe máy Chi tiết: lắp ráp xe máy | 3091 |
| 7 | Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: lắp ráp các phương tiện vận tải khác | 3099 |
| 8 | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt | 8129 |
| 9 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt | 5221 |
| 10 | Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác | 2910 |
| 11 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ | 5225 (Chính) |
| 12 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | 5610 |
| 13 | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh Karaoke | 9329 |
| 14 | Dịch vụ phục vụ đồ uống | 5630 |
| 15 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 6810 |
| 16 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 5210 |
| 17 | Hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics; - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ hàng không) | 5229 |
| 18 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510 |

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy

định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm.
4. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm.

Điều 6. Tổ chức chính trị và Tổ chức Chính trị - Xã hội trong Công ty

1. Tổ chức chính trị, Tổ chức chính trị xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

1. Vốn điều lệ của Công ty là 14.400.000.000 đồng (*bằng chữ: Mười bốn tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn*), trong đó:

- Vốn thuộc sở hữu Nhà nước là: 7.354.200.000 (*Bảy tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng*), tương đương với 735.420 cổ phần chiếm 51,07% vốn điều lệ.

- Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông khác là: 7.045.800.000 (*Bảy tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng*), tương đương với 704.580 cổ phần chiếm 48,93% vốn điều lệ

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.440.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/CP.

2. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng để chia cổ tức hoặc phân tán cho các cổ đông.

3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.



Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định theo pháp luật hiện hành.

4. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội là chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Công ty.

2. Tổng Công ty Vận tải Hà Nội là Đại diện chủ sở hữu quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Người đại diện chủ sở hữu quản lý vốn Nhà nước tại Công ty phải được ghi rõ tỷ lệ % và giá trị phần vốn Nhà nước tham gia quản lý.

Điều 9. Các loại cổ phần

1. Tất cả các loại cổ phần được phát hành lần đầu của Công ty đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo loại cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 21 và 22 Điều lệ này.

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

Điều 10. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận cổ phiếu có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau :

a) Tên, mã số Doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở Công ty.

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần.

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá cổ phần ghi trên cổ phiếu.

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy Chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân. Tên, mã số Doanh nghiệp, số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.

e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.

f) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

g) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

h) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu sẽ không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty và cổ đông sở hữu cổ phần.

3. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cặp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp lại cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị được cấp lại phải có các nội dung sau đây:

a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được thì sẽ đem trả lại Công ty để tiêu hủy.

b. Chịu trách nhiệm từ những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông, chứng nhận sở hữu cổ phần

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập ngay sau khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

3. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

4. Cổ đông sở hữu từ 5% (Năm phần trăm) tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu cổ phần đó.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

1. Việc chuyển nhượng cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước do đại diện chủ sở hữu nhà nước thực hiện theo pháp luật hiện hành.

2. Việc chuyển nhượng các cổ phần khác được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Việc chuyển nhượng cổ phần niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo các quy định của sàn giao dịch và pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

Điều 13. Phát hành trái phiếu

Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Điều 127 Luật Doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan.

Điều 14. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của Công ty được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần, theo giá thị trường tại từng thời điểm.

Điều 15. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá, thì cổ đông đó có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là lựa chọn cuối cùng.

Điều 16. Mua lại cổ phần theo Quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần đã bán, như sau :

1. Hội đồng quản trị quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần đã được chào bán trong 12 tháng.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có

tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

4. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

5. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

Điều 17. Trả cổ tức

1. Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và bù đắp đủ số lỗ năm trước. Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức được chi trả bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản, séc hoặc lệnh trả tiền đến địa chỉ nhận cổ tức do cổ đông đăng ký với Công ty hoặc thành viên lưu ký theo quy định.

Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi Nghị quyết này.

Hội đồng quản trị có thể thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc sở hữu chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày chốt danh sách này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức theo quy định pháp luật.

3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
- c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 18. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 4 Điều 16 hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 17 Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG III
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 19. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Công ty tiếp tục duy trì mô hình hoạt động, như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

III.i. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 20. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông có các quyền sau đây:

a. Tham dự và phát biểu tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b. Được uỷ quyền cho người khác thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật và Công ty.

c. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần mà họ sở hữu;

đ. Tự do chuyển nhượng cổ phần cho người khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sô biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau đây:



- a. Đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng với số cổ phần sở hữu quy định tại khoản 5 Điều này.
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 4 Điều này.
- c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm và các báo cáo của Ban kiểm soát.
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- đ. Các quyền khác được quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây :

- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông phải được lập thành văn bản và phải có họ tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, số giấy Chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên địa chỉ, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức, số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Quy định về việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này được thực hiện như sau :

- a/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) đến dưới 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền đề cử: 01 ứng viên vào Hội đồng quản trị, 01 ứng viên vào Ban kiểm soát.

b/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) đến dưới 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền đề cử: 02 ứng viên vào Hội đồng quản trị, 01 ứng viên vào Ban kiểm soát.

c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần trở lên có quyền đề cử tối đa: 05 ứng viên vào Hội đồng quản trị và 03 ứng viên vào Ban kiểm soát.

d) Trường hợp số ứng viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đề cử.

Việc đề cử, ứng cử phải được thông báo và gửi Hồ sơ ứng cử (nếu có yêu cầu) về Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông biết, chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Cổ đông được quyền ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên Công ty nếu đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 36 và Điều 48 Điều lệ này.

Điều 21. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đủ tiền mua cổ phần đã đăng ký và cam kết mua theo quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Gửi Giấy xác nhận tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Giấy ủy quyền (nếu có), Phiếu đóng góp ý kiến về Chương trình, nội dung cuộc họp do Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

6. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư dự án, góp vốn liên doanh, mua cổ phần của doanh nghiệp khác, vay, cho vay hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- k) Thông qua tổng mức thù lao, thưởng hàng năm cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 23. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần hoặc họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định song phải đảm bảo cho các cổ đông được triệu tập họp có thể tham dự thuận lợi.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách này được lập không sớm hơn 05 (Năm) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- b) Chuẩn bị Chương trình và nội dung cuộc họp.
- c) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- d) Gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp, đăng trên trang thông tin điện tử (website) của công ty đồng thời thực



hiện công bố thông tin theo quy định. Thông báo mời họp và các tài liệu liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho các cổ đông chậm nhất là 10 (Mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (Gửi bằng phương thức đảm bảo đối địa chỉ liên lạc của cổ đông). Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm Thông báo mời họp thì Thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- e) Các trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập Ban kiểm soát gây ra.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 20 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện theo đúng trình tự của pháp luật hiện hành.

7. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 24. Chương trình họp và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 20 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến

nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần cổ đông nắm giữ, và những kiến nghị đưa vào chương trình họp.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại Khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 1 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 25. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Doanh nghiệp, thời gian và địa điểm họp.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua tại cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết; mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

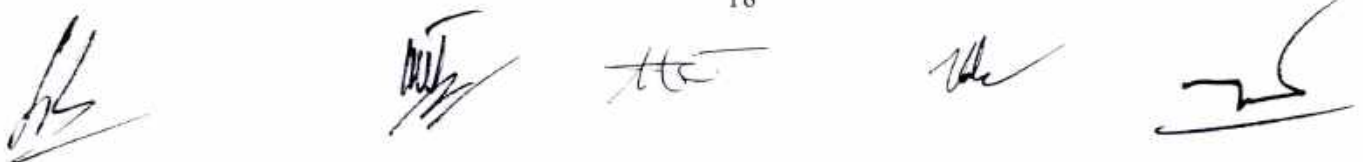
Điều 26. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.



Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Việc ủy quyền sẽ không được áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này chậm nhất 24 (hai tư) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

3. Trừ trường hợp quy định tại Điểm b khoản 2 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) cổ phần.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp có quyền huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần 2 chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% (Ba mươi ba phần trăm) cổ phần.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này.

Điều 28. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo các quy định sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký Cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và công bố điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định.

2. Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được xác định theo các quy định sau đây:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một số người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường ban kiểm soát điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa giới thiệu/cử Thư ký cuộc họp.

d. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.

4. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Cổ đông tiến hành việc biểu quyết bằng cách lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết ghi trên phiếu biểu quyết. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm phiếu, tổng hợp kết quả đối với từng nội dung ghi trên phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp lý khác.

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp. Trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và tất cả các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đều có hiệu lực thi hành.

Điều 29. Hình thức và điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Loại trái phiếu và tổng số lượng trái phiếu phát hành;
- c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chính;
- d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- f. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- g. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;
- h. Các vấn đề khác do Công ty quy định.

3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều này;

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Nghị quyết được thông qua.

Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi tới tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập Danh sách cổ đông để gửi phiếu lấy ý kiến được thực hiện như đối với lập Danh sách cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cách thức lấy ý kiến được thực hiện giống cách thức mời họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (Năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (trừ các mục đã nêu tại Mục 2, Điều 29).

Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản hoặc ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài (nếu thành phần cuộc họp có người nước ngoài) và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp.
- d. Họ tên Chủ tọa và Thư ký.
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- g. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục và danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- h. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- i. Các vấn đề đã được thông qua.
- k. Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự, thủ tục triệu tập và ra nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 33 Điều lệ này.
- 2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 33. Hiệu lực Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị
Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết đó.

1. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

III.ii. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị từ 15% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- f) Quyết định phương án góp vốn liên doanh, mua cổ phần của doanh nghiệp khác có giá trị đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Quyết định hợp đồng vay từ 15% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất. Quyết định hợp đồng cho vay có giá trị đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22; khoản 1 và khoản 3 Điều 46 của Điều lệ Công ty;

- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- r) Quyết định mức thù lao và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở tổng mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

Điều 35. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng, thành viên Hội đồng quản trị.

- a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 05 (năm) thành viên bao gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị.
- b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm.

c. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 36. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

2. Có trình độ, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.

4. Là cổ đông cá nhân hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

5. Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty, không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một thành viên làm Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc Công ty
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây :
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b. Chuẩn bị hoặc chỉ đạo chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - đ. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
 - e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không còn khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

Điều 38. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.
3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần.



4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây :

a) Theo đề nghị của Ban kiểm soát.

b) Theo đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác.

c) Theo đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty. Người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có các tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban kiểm soát như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác tham dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 39. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản hoặc ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài (*nếu thấy cần thiết*) và phải có các nội dung chủ yếu sau đây :

- a) Tên, địa chỉ trụ sở, mã số doanh nghiệp.
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - c) Thời gian, địa điểm họp.
 - d) Họ tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp, họ tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
 - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến.
 - h) Các vấn đề đã được thông qua.
 - i) Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản.
- Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu được sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây :

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 36 Điều lệ này.
 - b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - c) Có đơn xin từ chức.
2. Thành viên hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Công ty hoặc so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
4. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

III.iii. GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 42. Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê người làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và phải thường trú ở Việt Nam. Trường hợp vắng mặt trên 30 (ba mươi) ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ Công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
Giám đốc có thể là thành viên của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 (năm) năm, Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện Giám đốc:


- a) Có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty: Tốt nghiệp Đại học trở lên, có kinh nghiệm làm công việc quản lý, điều hành trong lĩnh vực hành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
- b) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật.
- c) Không đồng thời làm Giám đốc của Doanh nghiệp khác.
- d) Các quy định khác theo quy định của Pháp luật.

5. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ và tuân thủ pháp luật.



- b) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.
- c) Quyết định đầu tư các dự án, hợp đồng mua bán tài sản có giá trị đến dưới 15 % tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất hoặc một giá trị khác cao hơn theo sự phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị.
- d) Quyết định các hợp đồng khác (phục vụ sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty) có giá trị đến dưới 20 % tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất hoặc một giá trị khác cao hơn theo sự phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị.
- e) Quyết định các Hợp đồng vay có giá trị đến dưới 15% tổng giá trị tài sản Công ty theo báo cáo tài chính gần nhất và phải đảm bảo tổng dư nợ của các Hợp đồng vay không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản Công ty theo báo cáo tài chính gần nhất.
- f) Ban hành nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ theo các quy định của pháp luật.
- g) Thực hiện các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ... của Công ty.
- h) Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, phương án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận hoặc thông qua.
- i) Xây dựng hoặc đề xuất, kiến nghị Hội đồng quản trị phê duyệt hoặc quyết định:
- * Mục tiêu, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn và hàng năm của Công ty.
 - * Báo cáo tài chính hàng năm .
 - * Phương án huy động vốn, sử dụng vốn và tài sản của Công ty để thực hiện các dự án đầu tư (trừ các phương án đầu tư, vay vốn quy định tại điểm c, e khoản 5 Điều này)
 - * Phương án cơ cấu tổ chức, thành lập, tổ chức lại hoặc giải thể các phòng ban nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc Công ty.
 - * Phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
- j) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký Hợp đồng lao động, chấm dứt Hợp đồng lao động; khen thưởng, kỷ luật và quyết định các mức lương, lợi ích khác đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.
- k) Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký Hợp đồng lao động, chấm dứt Hợp đồng lao động; Khen thưởng, kỷ luật và quyết định các mức lương, lợi ích khác đối với Trưởng, phó các phòng ban nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc hoặc các chức danh tương đương.
- l) Tuyển dụng, sử dụng lao động, chấm dứt Hợp đồng lao động và khen thưởng, kỷ luật người lao động theo quy định của Pháp luật, của Công ty. Kiểm tra, giám



sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của các cán bộ quản lý, người lao động trong Công ty.

m) Thừa ủy quyền Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ tài sản của Công ty. Được quyền quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền trong các trường hợp khẩn cấp: Thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, các sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này đồng thời báo cáo với Hội đồng quản trị biết.

n) Được quyền ủy quyền cho các Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác thay mình để giải quyết một số công việc của Công ty. Việc ủy quyền có liên quan đến con dấu của Công ty phải thực hiện bằng văn bản.

o) Tham gia các giao dịch, ký kết các loại Hợp đồng theo thẩm quyền và sự phân cấp, chấp thuận của Hội đồng quản trị.

p) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 43. Thù lao tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả, hiệu quả kinh doanh phù hợp với quy định của Pháp luật.

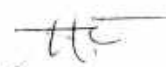
2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây :

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Tiền lương của Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị; Tiền lương và các chi phí khác của Giám đốc Công ty và người quản lý khác được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.



Điều 44. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm :

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; Tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc vốn góp trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan và các giao dịch của họ với công ty theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây :

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối.

2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại Khoản 1 Điều này thì Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ.

34

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người có liên quan của họ.

c) Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản Doanh nghiệp ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người ký Hợp đồng phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với Hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo Dự thảo Hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này. Trong trường hợp này, người đại diện công ty ký Hợp đồng phải thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với Hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình Dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty. Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

III.iv. BAN KIỂM SOÁT

Điều 47. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên.

a) Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 (năm) năm.

b) Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

c) Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng bỏ phiếu kín.

2. Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện

35

quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, mẹ đẻ hoặc cha mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- c) Không giữ các chức vụ quản lý trong Công ty, bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- d) Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên.

2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 20 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

9. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người.

10. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 50. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

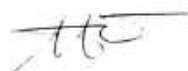
3. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; Có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu và công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 51. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao và các quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây :

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao theo công việc và các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.



2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao, chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 52. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; Không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1; 2; 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 53. Miễn nhiệm và bãi nhiệm kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau :

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau :

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ Công ty.

- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Điều 54. Lao động và tuyển dụng lao động

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo quy định của Pháp luật lao động, Thỏa ước lao động tập thể và Hợp đồng lao động đã ký với Công ty.

Điều 55. Tiền lương

Tiền lương, các khoản phụ cấp lương và tiền thưởng đối với người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, phù hợp với quy định của pháp luật lao động, pháp luật có liên quan và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 56. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

1. *Quyền lợi:* Người lao động trong Công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo quy định của Điều lệ này, của Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp và các quy định của Công ty, của pháp luật có liên quan.

2. *Nghĩa vụ:* Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ, Nội quy lao động hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại cơ quan lao động theo quy định của pháp luật lao động và các quy chế của Công ty phù hợp với quy định pháp luật có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ, quyền lợi của người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Giám đốc Công ty có quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động, yêu cầu bồi thường vật chất theo Nội quy lao động của Công ty và của Pháp luật lao động.

CHƯƠNG V

TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 57. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 58. Quyết toán và kế hoạch tài chính

1. Hàng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 04 (bốn) tháng ngày đầu của năm tài chính tiếp theo, Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.

2. Thực hiện việc lập và nộp báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 59. Thể lệ kế toán

Thể lệ kế toán Công ty căn cứ vào Luật Kế toán của Việt nam và quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Điều 60. Phân phối lợi nhuận

Tổng số lợi nhuận sau khi trừ thuế và các khoản phải nộp khác là lợi nhuận ròng của Công ty.

1. Lợi nhuận ròng được phân bổ và sử dụng như sau:

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, việc phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp vào các quỹ sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Quỹ đầu tư phát triển : Tối đa 15%
- Quỹ phúc lợi và khen thưởng : Tối đa 10%
- Quỹ khen thưởng điều hành : Tối đa 10%

Sau khi trích lập các quỹ nói trên, lợi nhuận còn lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty.

Điều 61. Phân chia lợi tức cổ phần (Cổ tức)

1. Trên cơ sở hiệu quả sản xuất kinh doanh và đề xuất của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại của Công ty.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng tài chính của Công ty và thực hiện việc quyết toán, báo cáo việc chi trả cổ tức tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 62. Xử lý kinh doanh khi thua lỗ

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ Quỹ dự trữ để bù đắp hoặc chuyển các khoản lỗ sang năm tài chính tiếp theo theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VI **GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN**

Điều 63. Giải thể

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội chỉ giải thể trong các trường hợp sau:

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.



2. Công ty không đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục.

3. Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy phép chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp.

Điều 64. Thanh lý tài sản khi Công ty giải thể

1. Khi Công ty bị giải thể, việc quy định trách nhiệm thanh lý và cơ quan giám sát thanh lý được tiến hành theo pháp luật hiện hành.

2. Xử lý tài sản khi Công ty giải thể:

Sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, tài sản Công ty được trang trải theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Hoàn trả các khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc mà Công ty còn nợ người lao động.
- b) Trang trải các khoản nợ ngân sách Nhà nước theo chế độ hiện hành.
- c) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty có thể chấp.
- d) Phần còn lại chia các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông.
- e) Phần còn lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 65. Phá sản

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 66. Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan Công an có thẩm quyền.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 67. Tuân thủ pháp luật

Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành

Điều 68. Công khai thông tin về Công ty cổ phần

1. Công ty cổ phần thực hiện công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

2. Công ty cổ phần có trách nhiệm thông báo đến tất cả cổ đông nội dung tóm tắt của báo cáo tài chính hàng năm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem xét hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty cổ phần theo quy định của Pháp luật.

Điều 69. Giải quyết tranh chấp

1. Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi tham gia giải quyết tranh chấp, tham gia tố tụng.
2. Các thành viên trong Công ty có các hành vi vi phạm Điều lệ Công ty đều bị xử lý. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người có hành vi vi phạm các quy định của bản Điều lệ này sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc chuyển đến tòa án các cấp xét xử theo luật định.
3. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu Hội đồng quản trị bỏ qua, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 70. Hiệu lực của Điều lệ

1. Bản Điều lệ này gồm 07 (bảy) Chương, 70 (bảy mươi) Điều, được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau và được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 06 năm 2020.
 - a) 02 bản lưu tại Công ty.
 - b) 02 bản gửi cơ quan có thẩm quyền.
2. Điều lệ này phải do các Thành viên Hội đồng quản trị ký và Chủ tịch Hội đồng quản trị ký, đóng dấu mới có giá trị.
3. Các nội dung không được quy định trong Điều lệ này hoặc khi pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các quy định của Pháp luật và Điều lệ này mâu thuẫn nhau, Công ty sẽ thực hiện áp dụng theo quy định của Pháp luật hiện hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Hồng Sơn

Các Thành viên Hội đồng quản trị:

1. Ông Phạm Hải Đăng.....
2. Ông Mai Văn Thanh.....
3. Ông Vũ Hữu Tuyên.....
4. Ông Nguyễn Anh Tuấn.....